



THƯƠNG MẠI GỖ VÀ SẢN PHẨM GỖ VIỆT NAM - HÀN QUỐC

THỰC TRẠNG VÀ XU HƯỚNG

Tô Xuân Phúc (Forest Trends) - Trần Lê Huy (FPA Bình Định)
Nguyễn Tôn Quyền (VIFORES) - Huỳnh Văn Hạnh (HAWA)
Cao Thị Cẩm (VIFORES)



Hà Nội, Tháng/10/2016



Thương mại gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam – Hàn Quốc

Thực trạng và xu hướng

Tô Xuân Phúc (Forest Trends)
Trần Lê Huy (FPA Bình Định)
Nguyễn Tôn Quyền (VIFORES)
Huỳnh Văn Hạnh (HAWA)
Cao Thị Cẩm (VIFORES)

Tháng 10 năm 2016

Lời cảm ơn

Báo cáo có sự hỗ trợ của Cơ quan Hợp tác Phát triển Quốc tế Vương quốc Anh (DFID) và Vương quốc Na Uy (NORAD) thông qua Tổ chức Forest Trends. Báo cáo là sản phẩm hợp tác của Tổ chức Forest Trends, Hiệp hội gỗ và Lâm sản Việt Nam (VIFORES), Hội Mỹ nghệ và Chế biến Gỗ Thành phố Hồ Chí Minh (HAWA) và Hiệp hội Gỗ và Lâm sản Bình Định (FPA Bình Định) và Forest Trends. Các nhận định trong Báo cáo là của các tác giả.

DRAFT

Nội dung

Lời cảm ơn	2
Nội dung	3
Tóm tắt	4
1. Giới thiệu	6
2. Việt Nam xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Hàn Quốc giai đoạn 2013-2016	7
2.1. Một vài nét tổng quan	7
2.2. Các sản phẩm xuất khẩu chính	10
2.2.1. Dăm gỗ (HS 4401)	10
2.2.2. Ghế gỗ (HS 9401)	12
2.2.3. Gỗ dán (HS 9401)	12
2.2.4. Đồ gỗ khác (đồ gỗ ngoài trời) (HS 940360)	13
2.2.5. Đồ nội thất nhà bếp (HS 940340)	14
2.2.6. Các sản phẩm gỗ khác	15
3. Việt Nam nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Hàn Quốc	16
3.1. Một vài nét tổng quan	16
3.2. Các sản phẩm nhập khẩu chính	17
3.2.1. Ván sợi (HS 4411)	17
3.2.2. Đồ mộc (HS 4418)	18
3.2.3. Ghế gỗ (HS 9401)	18
3.2.4. Đồ nội thất các loại (HS 9403)	19
4. Thương mại gỗ Việt Nam – Hàn Quốc	19
5. Kết luận	21
Tài liệu tham khảo	22
Phụ lục	23

Tóm tắt

Báo cáo *Thương mại gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam - Hàn Quốc: Thực trạng và xu hướng* phân tích quan hệ thương mại các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và Hàn Quốc. Báo cáo mô tả sự phát triển mạnh mẽ của dòng thương mại hai chiều giữa hai nước. Báo cáo phân tích quy mô, thị hiếu của thị trường về các loại sản phẩm, loài gỗ nguyên liệu trong chế biến và các cửa ngõ chính diễn ra hoạt động xuất, nhập khẩu cho các mặt hàng này. Các số liệu thống kê trong Báo cáo được thu thập từ nguồn số liệu thống kê xuất nhập khẩu của Tổng cục Hải quan Việt Nam.

Việt Nam xuất khẩu nhiều mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ thuộc 2 mã hàng hóa HS 94 (các mặt hàng đồ gỗ) và mã HS 44 (các sản phẩm gỗ) sang Hàn Quốc. Hiện Hàn Quốc là thị trường quan trọng thứ năm của Việt Nam (sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và EU) cho các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ. Nếu chỉ tính riêng các mặt hàng đồ gỗ (HS 94) thì Hàn Quốc là thị trường lớn thứ 4 (sau Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU). Năm 2015, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường này đạt 495,6 triệu USD, tăng 14,4 triệu USD so với năm 2014 (481 triệu USD). Trong 8 tháng đầu năm 2015, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào Hàn Quốc đạt 376,2 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ năm 2015 (320 triệu USD). Tốc độ tăng trưởng về kim ngạch xuất gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường quan trọng này trong giai đoạn 2013-2016 đạt con số ấn tượng, bình quân khoảng 27%/năm.

Các mặt hàng xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc bao gồm dăm gỗ (cả dăm gỗ cho nguyên liệu giấy và viên nén gỗ làm nhiên liệu), gỗ dán, ghé các loại, đồ gỗ ngoài trời, đồ nội thất phòng ngủ và đồ nội thất nhà bếp. Năm 2015, xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt 199 triệu USD về kim ngạch, giảm 5% so với con số 209 triệu USD của năm 2014. Kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng đồ gỗ nội thất của Việt Nam sang Hàn Quốc có xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ, với mức tăng bình quân 27%/năm trong giai đoạn 2013-2016, đạt 100,3 triệu USD năm 2015. Tương tự, gỗ dán xuất khẩu từ Việt Nam sang Hàn Quốc cũng đạt tốc độ tăng trưởng cao, bình quân khoảng 22%/năm trong 4 năm qua.

Các sản phẩm gỗ và đồ gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc thường được làm từ nguồn gỗ rừng trồng trong nước như keo, cao su, bạch đàn, điều, nhãn, mít, trầm bông vàng và cả trầm cừ... và từ nguồn gỗ nhập khẩu như sồi, thông, tần bì, dẻ gai, bạch đàn, teak, dầu, sọ khỉ, óc chó, thích, anh đào, dương, trăn... Một vấn đề đáng lưu tâm là có khá nhiều sản phẩm gỗ xuất khẩu từ Việt Nam vào Hàn Quốc hiện vẫn chưa được khai báo về chủng loại gỗ.

Trong thời gian tới khi Hiệp định Đối tác tự nguyện VPA FLEGT được ký kết giữa Việt Nam và EU, việc thực hiện cấp phép FLEGT chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến hoạt động xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam sang Hàn Quốc, nhất là những cơ hội lớn được mang lại từ các hiệp định tự do thương mại thế hệ mới. Thông tin có liên quan những vấn đề vướng mắc có khả năng diễn ra trong hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, bao gồm cả trách nhiệm giải trình là rất cần thiết. Điều này sẽ giúp doanh nghiệp sớm thích ứng với những thay

đôi của thị trường xuất khẩu, đảm bảo tính hợp pháp của gỗ, sản phẩm gỗ trong các sản phẩm xuất khẩu, giữ được tốc độ tăng trưởng trong xuất khẩu các mặt hàng này như hiện nay.

Xu hướng thương mại hiện nay cho thấy quan hệ thương mại mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ giữa Việt Nam – Hàn Quốc sẽ tiếp tục phát triển nhanh trong tương lai nhờ chiều sâu kết nối trên nhiều mặt từ chính trị - ngoại giao đến đầu tư, thương mại giữa 2 quốc gia nói riêng và hội nhập thị trường nói chung. Mặc dù thị trường tiếp tục có tiềm năng được mở rộng, rủi ro của thị trường, bao gồm cả rủi ro có liên quan đến tính hợp pháp của nguồn gỗ nguyên liệu đang tiềm ẩn. Đối với thị trường Hàn Quốc, có thể những rủi ro này không lớn như các rủi ro từ các thị trường như Mỹ, EU, Úc, Nhật Bản – các quốc gia đã và đang áp dụng những quy định pháp lý khắc khe về tính hợp pháp của sản phẩm gỗ tiêu thụ tại đây. Tuy nhiên, hiện Chính phủ Hàn Quốc đang nghiên cứu và có nhiều khả năng trong tương lai không xa sẽ áp dụng các chính sách chặt chẽ hơn có liên quan đến tính hợp pháp của các sản phẩm gỗ tiêu thụ tại thị trường này. Để đáp ứng với các quy định này trong tương lai, các doanh nghiệp tham gia xuất khẩu cần đẩy mạnh trách nhiệm giải trình. Việc loại bỏ các nguồn nguyên liệu không rõ nguồn gốc xuất xứ, các loài gỗ có độ rủi ro cao trong các sản phẩm xuất khẩu nên được coi là trọng tâm trong chiến lược phát triển và mở rộng thị trường xuất khẩu tại Hàn Quốc trong tương lai.

1. Giới thiệu

Hàn Quốc hiện là đối tác thương mại lớn thứ ba của Việt Nam sau Trung Quốc và Hoa Kỳ, với tốc độ tăng trưởng bình quân về kim ngạch thương mại trong 10 năm qua giữa 2 quốc gia ở mức trên 23%/năm¹. Năm 2015 kim ngạch thương mại song phương giữa Hàn Quốc và Việt Nam cho tất cả các sản phẩm hàng hóa đạt khoảng 36,56 tỉ đô la Mỹ (USD), tăng 26,5% so với năm 2014. Năm 2015, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa nói chung của Việt Nam sang Hàn Quốc đạt 8,93 tỉ USD, trong khi kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường này đạt 27,63 tỉ USD². Trong 8 tháng đầu năm 2016, tổng kim ngạch thương mại hai chiều giữa hai nước đạt 27,5 tỉ USD, tăng 14,7% so với cùng kỳ năm 2015; trong đó xuất khẩu vào thị trường Hàn Quốc đạt 7,24 tỉ USD (+35%), trong khi nhập khẩu từ Hàn Quốc về Việt Nam là 20,3 tỉ USD (8,8%)³. Việt Nam chủ yếu xuất khẩu sang thị trường Hàn Quốc các mặt hàng như điện thoại và linh kiện, sản phẩm dệt may, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, máy móc, thiết bị dụng cụ và phụ tùng, gỗ và sản phẩm gỗ, thủy sản, ... Việt Nam nhập khẩu các mặt hàng chính từ thị trường này là máy vi tính và sản phẩm điện tử, máy móc thiết bị, dụng cụ và phụ tùng, điện thoại và linh kiện, vải...

Hàn Quốc đã trở thành thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn thứ tư của Việt Nam và là nước xuất khẩu hàng hóa lớn thứ 2 vào Việt Nam. Quan hệ Việt Nam - Hàn Quốc đã phát triển mạnh mẽ trong hơn 20 năm qua kể từ khi quan hệ ngoại giao giữa hai nước được xác lập vào năm 1992. Đến năm 2001, hai nước đã tiến tới mối quan hệ toàn diện và năm 2009 đã nâng tầm quan hệ song phương thành đối tác chiến lược. Hiện tại có khoảng 3.000 doanh nghiệp Hàn Quốc đang hoạt động tại Việt Nam và khoảng 40.000 công nhân Việt Nam đang làm việc ở Hàn Quốc. Hiệp định thương mại tự do (FTA) giữa Việt Nam và Hàn Quốc đã được thông qua cuối năm 2014 tiếp tục mở rộng cơ hội thương mại và đầu tư giữa hai nước. Hiệp định này là một trong ba kênh FTA hết sức quan trọng đối với Việt Nam, bao gồm: Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hàn Quốc, Hiệp định đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) và Hiệp định thương mại xuyên Thái Bình Dương (TPP).

Việt Nam xuất khẩu nhiều loại mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ sang thị trường Hàn Quốc, thuộc mã hàng hóa HS 94 (đồ gỗ) và HS 44 (sản phẩm gỗ). Tính về kim ngạch xuất khẩu, Hàn Quốc là thị trường quan trọng thứ năm của Việt Nam (sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và EU) cho các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ; nếu chỉ tính riêng các mặt hàng đồ gỗ, Hàn Quốc là thị trường lớn thứ 4 (sau Hoa Kỳ, Nhật Bản và EU). Năm 2015 kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào thị trường này đạt 495,6 triệu USD, tăng 14,4 triệu USD so với năm 2014 (481 triệu USD). Trong 8 tháng đầu năm 2015, kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào Hàn Quốc đạt 376,2 triệu USD, tăng 18% so với cùng kỳ

¹ <http://vinanet.vn/thuong-mai-cha/han-quoc-doi-tac-thuong-mai-lon-thu-3-cua-viet-nam-650121.html>

² Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tháng 12 và năm 2015 – Tổng cục Hải quan. <http://customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuan/ViewDetails.aspx?ID=914&Category=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch%20C4%91%E1%BB%8Bnh%20k%E1%BB%B3&Group=Ph%C3%A2n%20t%C3%ADch>.

³ [http://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuanLichCongBo/Attachments/835/2016-T08T-5X\(VN-SB\).pdf](http://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuanLichCongBo/Attachments/835/2016-T08T-5X(VN-SB).pdf) và [http://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuanLichCongBo/Attachments/834/2016-T08T-5N\(VN-SB\).pdf](http://www.customs.gov.vn/Lists/ThongKeHaiQuanLichCongBo/Attachments/834/2016-T08T-5N(VN-SB).pdf)

năm 2015 (320 triệu USD). Tốc độ tăng trưởng về kim ngạch xuất gỗ và sản phẩm gỗ khâu của Việt Nam vào Hàn Quốc bình quân tăng khoảng 27%/năm trong giai đoạn 2013-2016, mức tăng trưởng đặc biệt ấn tượng.

Các mặt hàng gỗ xuất khẩu quan trọng nhất của Việt Nam sang Hàn Quốc bao gồm dăm gỗ, gỗ dán, ghé các loại, đồ gỗ khác (đồ gỗ ngoài trời), đồ nội thất phòng ngủ và đồ nội thất nhà bếp. Năm 2015, Việt Nam xuất khẩu 199 triệu USD cho mặt hàng dăm gỗ sang Hàn Quốc, giảm 5% so với con số 209 triệu USD trong năm 2014. Xuất khẩu nhóm hàng đồ gỗ nội thất (HS 9403) của Việt Nam sang Hàn Quốc tiếp tục xu hướng mở rộng mạnh mẽ, đạt trên 100 triệu USD năm 2015 và tăng bình quân 27%/năm trong giai đoạn 2013-2016.

Các sản phẩm gỗ và đồ gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc thường được làm từ các loại nguyên liệu gỗ đầu vào phổ biến là nguồn gỗ rừng trồng trong nước như keo, cao su, bạch đàn, điều, nhãn, mít, trầm bông vàng, trầm cừ... Nhiều sản phẩm xuất khẩu cũng được làm từ nguồn gỗ nhập khẩu như sồi, thông, tần bì, dẻ gai, bạch đàn, teak, dầu, sọ khi, óc chó, thích, anh đào, dương, trăn... Các loại ván nhân tạo như ván sợi (MDF), ván dăm, và gỗ dán được sử dụng nhiều trong nhóm sản phẩm đồ gỗ xuất khẩu.⁴ Hiện còn khá nhiều sản phẩm gỗ xuất khẩu từ Việt Nam vào Hàn Quốc vẫn chưa được khai báo về chủng loại gỗ.

Báo cáo *Thương mại gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam – Hàn Quốc: Thực trạng và xu hướng* dựa trên nguồn số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan Việt Nam giai đoạn 2013-2016 (từ 1/1/2013 đến hết tháng 7/2016). Báo cáo phân tích quy mô thương mại, xu hướng, các yếu tố dẫn đến thay đổi dòng thương mại hai chiều cho tất cả các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ. Báo cáo cũng đề cập đến một số vấn đề, bao gồm những rủi ro về tính hợp pháp của gỗ nguyên liệu trong các sản phẩm xuất khẩu.

Báo cáo được chia làm 5 phần chính. Sau phần Giới thiệu, Phần 2 sẽ phân tích kết quả tình hình xuất khẩu các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ từ Việt Nam sang Hàn Quốc, bao gồm giá trị kim ngạch, khối lượng / số lượng, loài gỗ, cảng biển của một số mặt hàng xuất khẩu chính ở giai đoạn 2013-2016. Phần 3 mô tả khái quát kết quả tình hình nhập khẩu các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam từ Hàn Quốc. Dựa trên các phân tích tại Phần 2 và 3, Phần 4 thảo luận các vấn đề cụ thể trong thương mại song phương của ngành gỗ. Trong phần Kết luận (Phần 5), Báo cáo tóm tắt các kết quả chính và đưa ra một số kiến nghị góp phần phát triển thương mại bền vững các sản phẩm gỗ giữa Việt Nam và Hàn Quốc.

2. Việt Nam xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ sang Hàn Quốc giai đoạn 2013-2016

2.1. Một vài nét tổng quan

Hàn Quốc là một trong năm thị trường quan trọng nhất đối với các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu của Việt Nam (chỉ đứng sau Hoa Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc và EU). Năm 2015, kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm nhóm gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam từ Hàn Quốc đạt giá trị 495,6 triệu USD, tăng 3% so với năm 2014 (481,2 triệu USD). Giá trị kim ngạch của nhóm mặt hàng này trong năm 2014 đã tăng mạnh 50% so với năm 2013 (320,7

⁴ Các loại nguyên liệu này được dùng kết hợp với nhiều loại gỗ làm nguyên liệu đầu vào cho sản xuất đồ gỗ. Trong báo cáo này không đề cập chi tiết về các loại ván này.

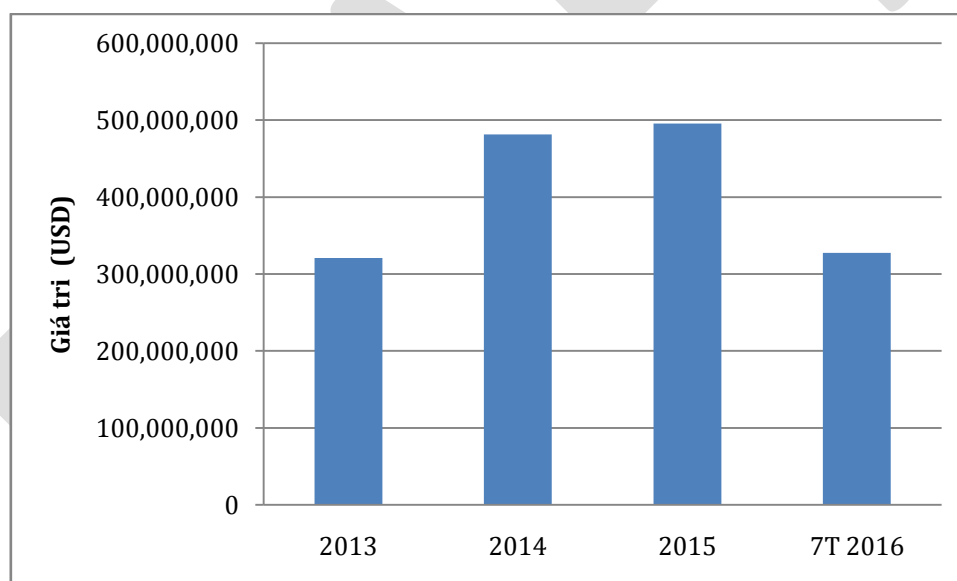
triệu USD). Trong 7 tháng đầu năm 2016, gỗ và sản phẩm gỗ xuất khẩu sang Hàn Quốc tiếp tục thu về 327,4 triệu USD cho Việt Nam (Bảng 1).

Bảng 1. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

Năm	Giá trị (Triệu USD)
2013	320,7
2014	481,2
2015	495,6
7 tháng 2016	327,4

Trong những năm qua, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam sang Hàn Quốc bình quân đạt 27%/ năm với xu hướng thay đổi được mô tả trong biểu đồ 1 dưới đây.

Biểu đồ 1. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam vào Hàn Quốc, 2013-2016



Có được kết quả cao cả về giá trị và tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu cho sản phẩm gỗ và đồ gỗ của Việt Nam vào Hàn Quốc giai đoạn 2013-2016 có thể nguyên nhân chính là ngành gỗ đã hưởng lợi từ Hiệp định Thương mại tự do (FTA) Việt Nam – Hàn Quốc như ưu đãi về thuế, hay sự bùng nổ các dòng thương mại hàng hóa hai chiều giữa 2 quốc gia.

Các mặt hàng sản phẩm gỗ quan trọng của Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc là dăm gỗ và gỗ dán thuộc nhóm HS 44, một phần nhỏ hơn là các mặt hàng đồ gỗ như ghế các loại, đồ gỗ ngoài trời, đồ nội thất phòng ngủ và đồ nội thất nhà bếp thuộc nhóm HS 94.

Biểu đồ 2 thể hiện sự thay đổi về giá trị kim ngạch xuất khẩu. Kim ngạch xuất khẩu đối với nhóm mặt hàng sản phẩm gỗ đã tăng mạnh từ 205,4 triệu USD năm 2013 lên 325,7 triệu USD

năm 2014, (tương đương 59%). Kim ngạch năm 2015 giảm xuống 320,4 triệu USD và đạt 225,3 triệu USD trong 7 tháng đầu 2016.

Nhóm mặt hàng đồ gỗ có xu hướng tăng đều, từ 115,3 triệu USD năm 2013 lên 155,6 triệu USD (2014) 175,3 triệu USD (2015) và đạt 102,1 triệu USD (7 tháng /2016). Bảng 2 thể hiện chi tiết giá trị kim ngạch xuất khẩu của hàng hóa này.

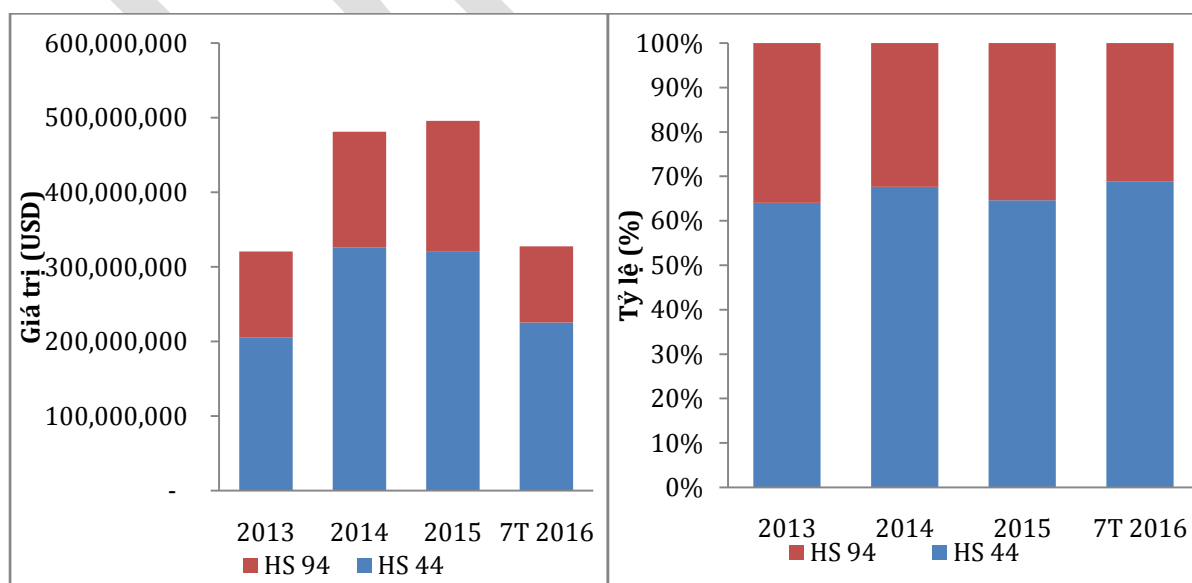
Bảng 2. Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

Năm	HS 44 (Triệu USD)	HS 94 (Triệu USD)
2013	205,4	115,3
2014	325,7	155,6
2015	320,4	175,3
7 Tháng 2016	225,3	102,1

Biểu đồ 3 chỉ ra những thay đổi về cơ cấu theo giá trị kim ngạch xuất khẩu giữa 2 nhóm sản phẩm này, trong giai đoạn 2013-2016. Nhóm mặt hàng sản phẩm gỗ có tỷ trọng trong khoảng 64-69%, còn nhóm mặt hàng đồ gỗ khoảng 31-36% và có xu hướng tăng giảm theo từng năm.

Biểu đồ 2. Giá trị xuất khẩu sản phẩm gỗ (HS44) và đồ gỗ (HS 94) của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

Biểu đồ 3. Cơ cấu xuất khẩu sản phẩm gỗ (HS44) và đồ gỗ (HS 94) của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016



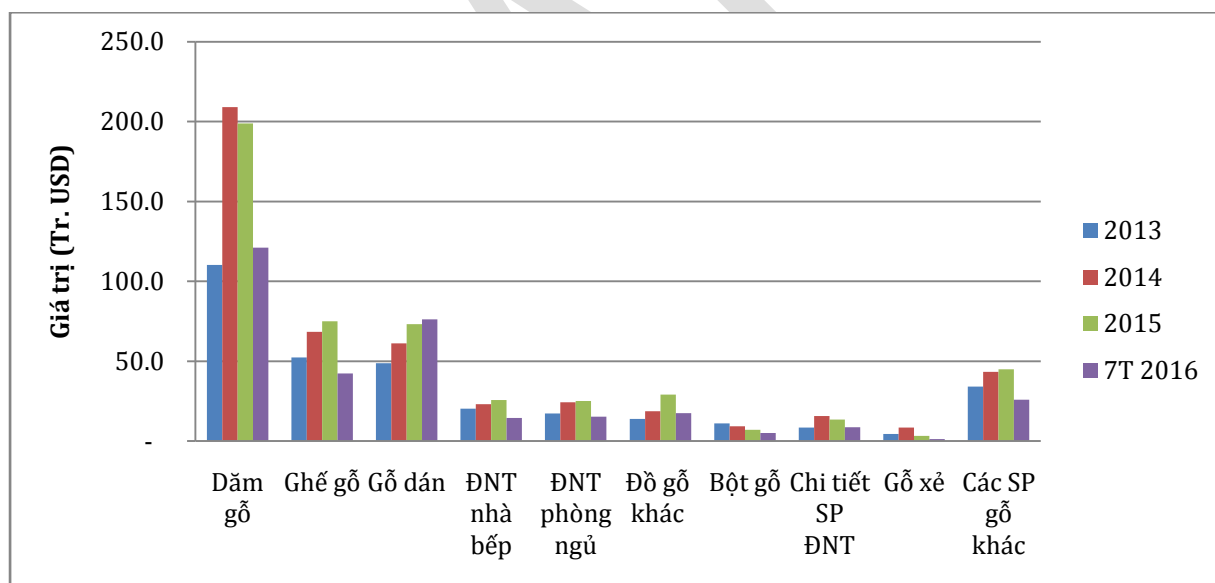
Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc chủ yếu là từ Cảng Cát Lái, với kim ngạch từ cảng này chiếm khoảng 45-54% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này của Việt Nam trong 4 năm gần đây. Các cảng quan trọng khác bao gồm Hải Phòng, cảng Quốc tế Germadept Dung Quất, ICD III –Transimex, cảng Dung Quất - Bến số 1 (Phụ lục 1).

2.2. Các sản phẩm xuất khẩu chính

Việt Nam xuất khẩu tất cả các mặt hàng thuộc hai nhóm sản phẩm gỗ (HS 44) và nhóm đồ gỗ (HS 94) sang Hàn Quốc. Điều này thể hiện tính đa dạng về mặt thị trường tiêu thụ trong thương mại gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam tại Hàn Quốc. Các mặt hàng chủ lực mà Việt Nam xuất khẩu vào Hàn Quốc trong giai đoạn 2013-2016 là viên nén gỗ, dăm gỗ, ghế gỗ các loại, đồ gỗ khác (đồ gỗ ngoài trời), đồ nội thất phòng ngủ, đồ nội thất nhà bếp.

Ngoài ra, các mặt hàng khác như đồ nội thất văn phòng, chi tiết sản phẩm đồ nội thất, bột gỗ, gỗ mỹ nghệ, đồ mộc, gỗ xẻ, vơ nia... cũng đóng góp giá trị kim ngạch xuất khẩu đáng kể cho Việt Nam. Biểu đồ 4 cho thấy các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam vào thị trường Hàn Quốc trong giai đoạn 2013-2016.

Biểu đồ 4. Xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chính Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

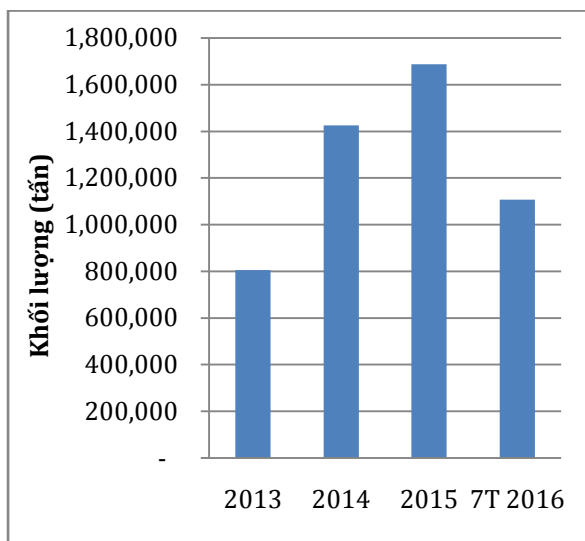


2.2.1. Dăm gỗ (HS 4401)

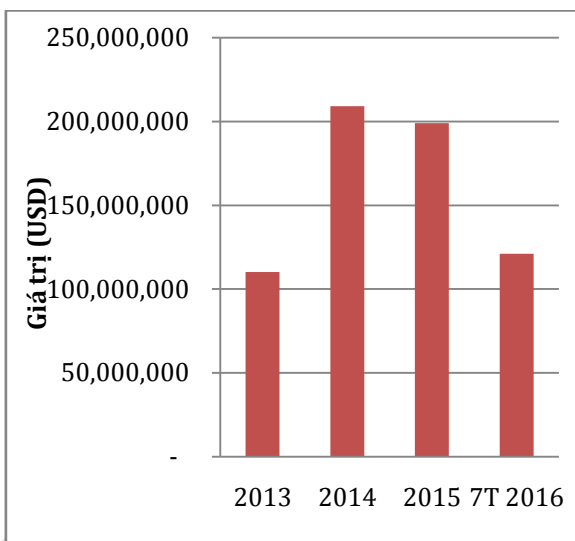
Dăm gỗ là một trong những mặt hàng gỗ có giá trị kim ngạch xuất khẩu cao nhất của Việt Nam sang Hàn Quốc. Biểu đồ 5 cho thấy lượng dăm gỗ xuất khẩu từ Việt Nam sang thị trường này liên tục tăng trưởng trong giai đoạn 2013-2016, đạt gần 1,7 triệu tấn năm 2015 từ mức thấp 0,8 triệu tấn năm 2013. Lượng xuất khẩu 7 tháng đầu 2016t khoảng 1,1 triệu tấn.

Về giá trị kim ngạch, năm 2014 đạt 209,2 triệu USD, sau đó giảm xuống còn gần 199 triệu USD năm 2015 (Biểu đồ 6). Điều này có thể được cho là giá viên nén gỗ, mặt hàng chính của nhóm sản phẩm HS 4401, xuất khẩu vào Hàn Quốc đã giảm mạnh, cùng với giá dầu thô tụt dốc trên thị trường thế giới.

Biểu đồ 5. Khối lượng xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

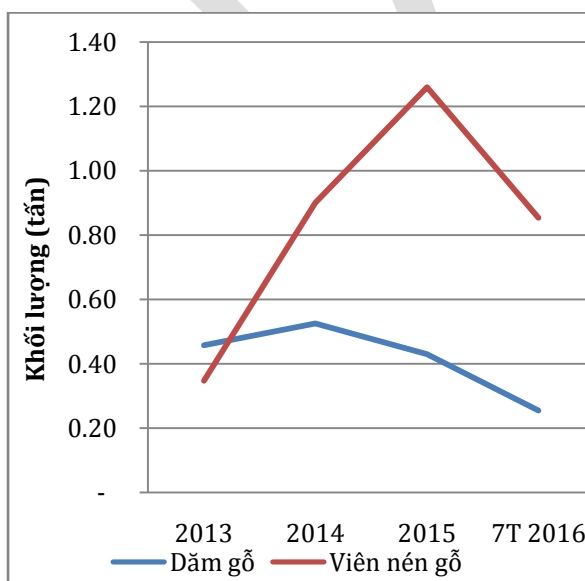


Biểu đồ 6. Giá trị xuất khẩu dăm gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

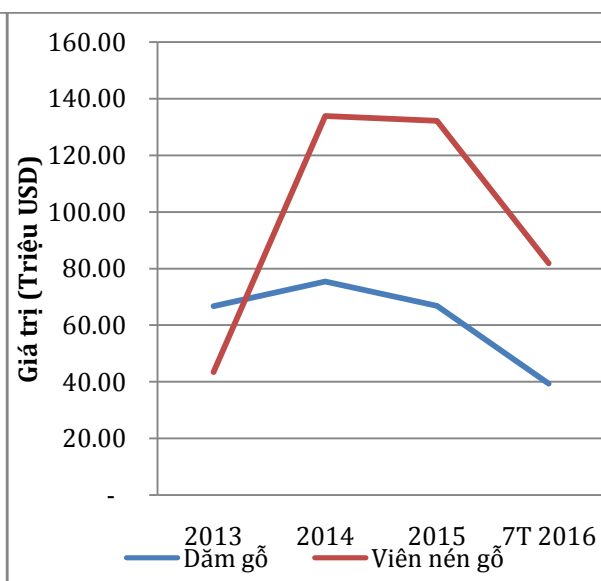


Cát Lái là cảng biển chính xuất khẩu dăm gỗ (chủ yếu là viên nén gỗ) sang thị trường Hàn Quốc. Kim ngạch từ mặt hàng này chiếm 28-43% trong tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng thuộc nhóm HS 4401 xuất khẩu sang Hàn Quốc. Các cảng quan trọng khác trong xuất khẩu dăm bao gồm cảng Quốc tế Germadept Dung Quất, cảng Dung Quất - Bến số 1, ICD III –Transimex (Phụ lục 2). Xuất khẩu viên nén gỗ (HS 44013) ngày càng tăng, với tỉ trọng tương ứng 43%, 63%, 75% và 77% trong giai đoạn 2013-2016 và giá trị kim ngạch tương ứng 39%, 64%, 66% và 68%. Ngược lại mặt hàng dăm gỗ nguyên liệu giấy (44012) cho thấy suy giảm về lượng từ 57% năm 2013 còn 23% trong 7 tháng đầu 2016; về giá trị giảm từ 61% năm 2013 còn 32% trong 7 tháng đầu 2016. Biểu đồ 7 và 8 chỉ ra những thay đổi của 2 mặt hàng này trong 4 năm qua.

Biểu đồ 7. Lượng dăm gỗ và viên nén gỗ của Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc, 2013-2016



Biểu đồ 8. Giá trị xuất khẩu dăm gỗ và viên nén gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

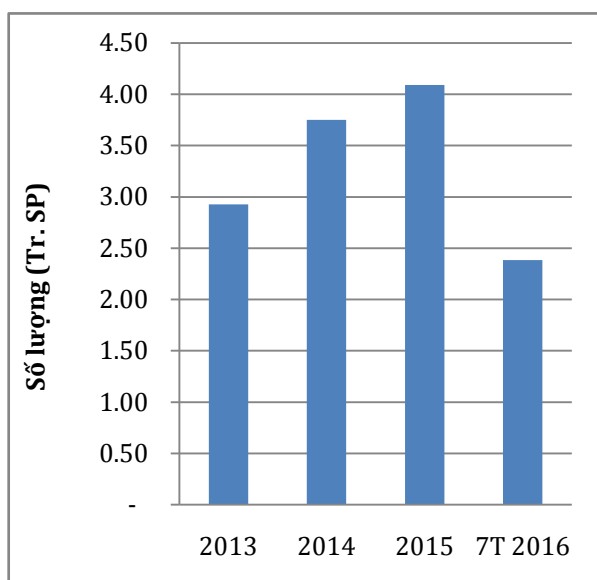


Dăm gỗ được xuất khẩu sang Hàn Quốc chủ yếu được làm từ rừng trồng trong nước như keo, trầm và cao su, phần còn lại là dư lượng các loài gỗ thông, bạch đàn, cao su... trong quá trình chế biến gỗ để làm viên nén gỗ.

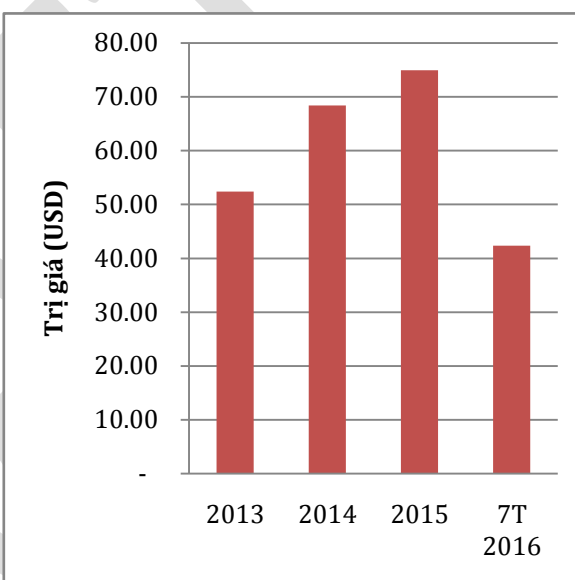
2.2.2. Ghé gỗ (HS 9401)

Về kim ngạch, ghé gỗ là mặt hàng xuất khẩu đứng thứ hai hiện nay của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, chỉ sau mặt hàng dăm gỗ. Trong giai đoạn 2013 – 2016, bình quân mỗi năm kim ngạch xuất khẩu ghé gỗ từ Việt Nam sang Hàn Quốc đạt khoảng 65,3 triệu USD. Số lượng sản phẩm và giá trị kim ngạch xuất khẩu ghé gỗ của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc liên tục tăng trưởng trong bốn năm qua (Biểu đồ 9, 10).

Biểu đồ 9. Số lượng xuất khẩu ghé gỗ từ Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016



Biểu đồ 10. Giá trị ghé gỗ Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc, 2013-2016



Ghé gỗ xuất khẩu từ Việt Nam sang Hàn Quốc các loại gỗ như cao su, keo trầm, xà cừ, điều, xoài... được khai thác từ rừng trồng trong nước. Một số sản phẩm được sử dụng các loài gỗ nhập khẩu như sồi, tần bì, óc chó, dương, anh đào, thông, dẻ gai, teak, bạch đàn. Một lượng nhỏ sản phẩm được làm từ các loài gỗ từ rừng tự nhiên như dầu, chò chỉ, sọ khi, xoan đào... (Phụ lục 3).

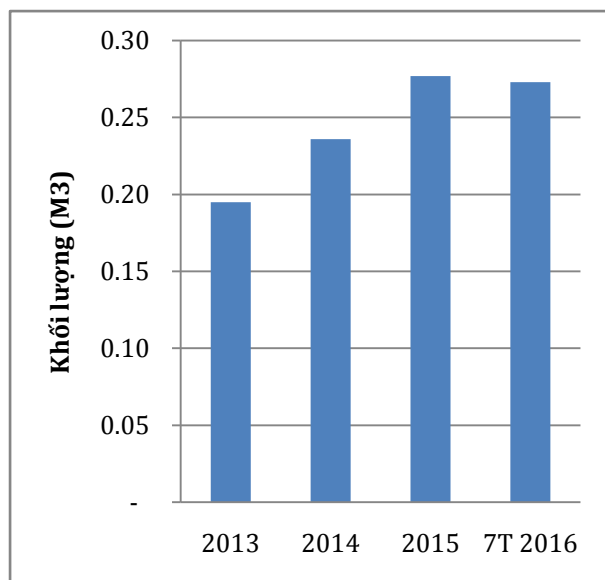
Cảng Cát Lái là cảng xuất khẩu ghé gỗ lớn nhất của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc với tỷ trọng về kim ngạch chiếm khoảng 72-88% trong tổng kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này sang thị trường Hàn Quốc giai đoạn 2013-2016. Phụ lục 4 chỉ ra số lượng và giá trị xuất khẩu ghé qua các cảng khác nhau.

2.2.3. Gỗ dán (HS 9401)

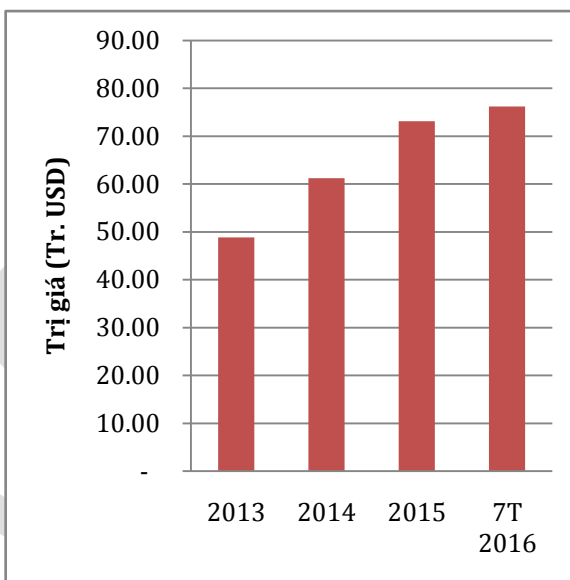
Mặt hàng gỗ dán đã đem về giá trị kim ngạch xuất khẩu đứng thứ 3 cho Việt Nam từ thị trường Hàn Quốc, với kim ngạch bình quân mỗi năm khoảng 61 triệu USD. Gỗ dán xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường này đạt tốc độ tăng trưởng cao, bình quân khoảng

22%/năm trong 4 năm qua. Giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam vào thị trường này trong 7 tháng đầu năm 2016 đã tăng vượt qua giá trị của cả năm 2015. Biểu đồ 11 và 12 thể hiện những thay đổi về khối lượng và giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam sang Hàn Quốc từ năm 2013 đến hết tháng 7 năm 2016.

Biểu đồ 11. Khối lượng xuất khẩu gỗ dán từ Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016



Biểu đồ 12. Giá trị gỗ dán xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

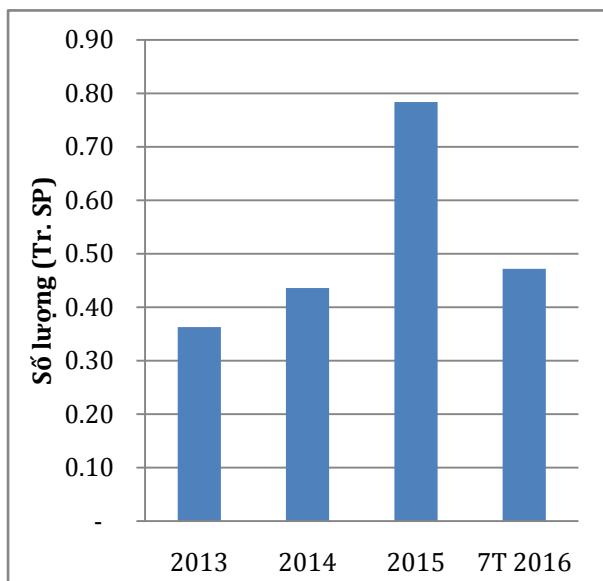


Gỗ dán xuất khẩu từ Việt Nam sang Hàn Quốc chủ yếu sử dụng các loài gỗ rừng trồng như keo, bạch đàn, bồ đề, thông, cao su, dương, thích, linh sam. Tỷ lệ gỗ keo, bạch đàn, bồ đề chiếm 95% trong tổng kim ngạch gỗ dán xuất khẩu vào thị trường này (Phụ lục 5). Hầu như toàn bộ sản phẩm gỗ dán xuất khẩu vào Hàn Quốc đều xuất phát từ các cảng phía Bắc của Việt Nam. Năm 2013, cảng Hải Phòng đã từng là cảng xuất khẩu gỗ dán đứng đầu của Việt Nam sang Hàn Quốc (44,6 triệu USD). Tuy nhiên, nhiều cảng biển mới xuất hiện như Chùa Vẽ, Đình Vũ, Green Port, Tân Cảng Hải Phòng đã gia tăng sản lượng và giá trị xuất khẩu vào Hàn Quốc trong giai đoạn 2013-2016. Trong 7 tháng đầu năm 2016, Tân Cảng Hải Phòng đã giành vị trí số một về xuất khẩu gỗ dán sang Hàn Quốc với giá trị kim ngạch khoảng 32,3 triệu USD (Phụ lục 6).

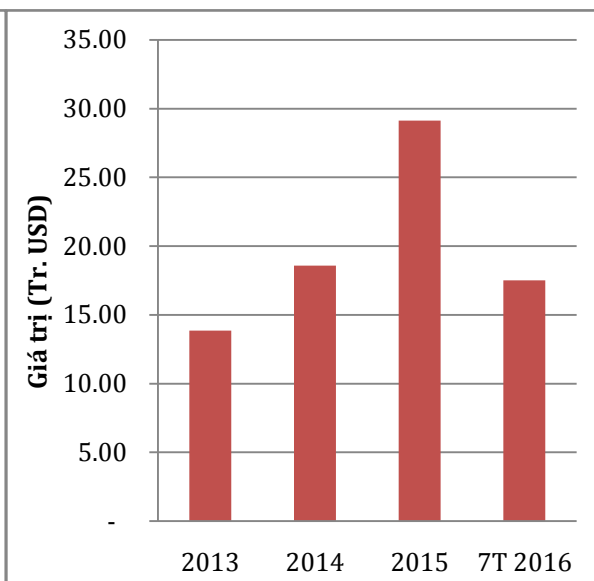
2.2.4. Đồ gỗ khác (đồ gỗ ngoài trời) (HS 940360)

Việt Nam xuất khẩu đồ gỗ khác (đồ gỗ ngoài trời) vào thị trường Hàn Quốc đạt giá trị kim ngạch bình quân khoảng 20,5 triệu USD / năm. Tương tự mặt hàng gỗ dán, Việt Nam xuất khẩu đồ gỗ khác sang Hàn Quốc cũng đạt tốc độ tăng trưởng rất cao, bình quân khoảng 45%/năm. Biểu đồ 13 và 14 chỉ ra xu hướng phát triển về lượng và giá trị kim ngạch xuất khẩu đồ gỗ khác của Việt Nam sang Hàn Quốc trong giai đoạn 2013-2016.

Biểu đồ 13. Lượng đồ gỗ khác xuất khẩu từ Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016



Biểu đồ 14. Giá trị xuất khẩu đồ gỗ khác của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016



Các sản phẩm đồ gỗ khác xuất khẩu từ Việt Nam vào Hàn Quốc thường sử dụng nhiều loài gỗ đa dạng từ rừng trồng trong nước như keo, cao su, điều, xoan,... Ngoài ra một số sản phẩm được làm từ gỗ nhập khẩu như bạch dương, trăn, óc chó, thông, sồi, dẻ gai, tần bì, teak.... Một lượng nhỏ sản phẩm được làm từ một số loài gỗ từ rừng tự nhiên như xà cừ, chò chỉ, dầu. Phụ lục 7 chỉ ra chi tiết các loài gỗ sử dụng trong sản phẩm xuất khẩu.

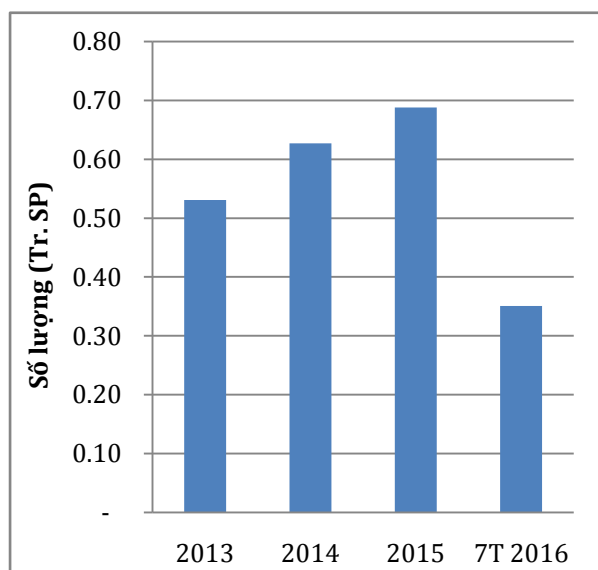
Cảng Cát Lái là cảng quan trọng nhất cho hoạt động xuất khẩu đồ gỗ khác của Việt Nam sang Hàn Quốc với tỷ kim ngạch thu được từ cảng này chiếm 78% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này qua các cảng trong giai đoạn 2013-2016. Các cảng biển hàng đầu còn lại xuất khẩu mặt hàng này là cảng Hải Phòng, ICD III Transimex, Tiên Sa (Phụ lục 8).

2.2.5. Đồ nội thất nhà bếp (HS 940340)

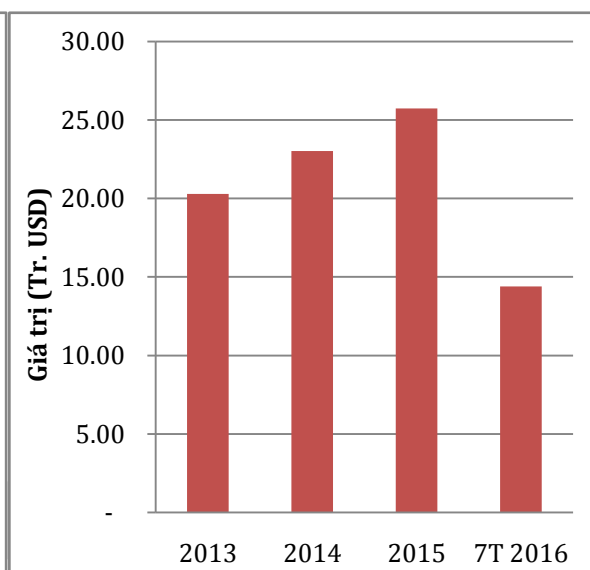
Đồ nội thất nhà bếp của Việt Nam xuất khẩu vào Hàn Quốc đạt kim ngạch bình quân khoảng 23 triệu USD / năm giai đoạn 2013-2015. Giống như mặt hàng ghế gỗ, tốc độ tăng trưởng giá trị kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này từ Việt Nam vào Hàn Quốc khá cao, bình quân gần 13%/năm và tăng liên tục qua các năm.

Mức kim ngạch xuất khẩu mặt hàng này đạt 20,3 triệu USD năm 2013, 23 triệu USD năm 2014, 25,7 triệu USD năm 2015 và 14,4 triệu USD 7 tháng đầu 2016). Biểu đồ 15 và 16 cho thấy xu hướng về lượng và giá trị kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp của Việt Nam sang Hàn Quốc liên tục tăng trưởng trong giai đoạn 2013 - 2016.

Biểu đồ 15. Lượng đồ nội thất nhà bếp của Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc, 2013-2016



Biểu đồ 16. Giá trị đồ nội thất nhà bếp xuất khẩu từ Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016



Phụ lục 9 cho thấy Việt Nam xuất khẩu sang Hàn Quốc các sản phẩm đồ nội thất nhà bếp được làm từ các loài gỗ như gỗ cao su, điều, trầm, xoan, xà cừ (gỗ rừng trồng trong nước) hoặc bạch dương, trăn, thông, sồi, dẻ gai, tần bì... từ nguồn gỗ nhập khẩu.

Cảng Cát Lái là cảng xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp lớn nhất của Việt Nam vào Hàn Quốc, tiếp theo là ICD III Transimex, Tiên Sa. Cảng Cát Lái chiếm tỷ trọng bình quân khoảng 79% tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất nhà bếp trong giai đoạn 2013-2016 (Phụ lục 10).

2.2.6. Các sản phẩm gỗ khác

Đồ gỗ khác đóng góp đáng kể về giá trị kim ngạch xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam vào Hàn Quốc. Các sản phẩm thuộc nhóm này được xuất khẩu bao gồm:

- **Đồ nội thất phòng ngủ (HS 940350):**

Trong giai đoạn 2013 – 2016, giá trị kim ngạch xuất khẩu đồ nội thất phòng ngủ từ Việt Nam sang thị trường này bình quân mỗi năm đạt 22,2 triệu USD. Tốc độ tăng trưởng về giá trị xuất khẩu loại hàng hóa này tương đối đều, đạt 17,3 triệu USD năm 2013, 24,3 triệu USD năm 2014, 25,1 triệu USD năm 2015 và 15,2 triệu USD trong 7 tháng đầu 2016.

Đồ nội thất phòng ngủ của Việt Nam xuất sang Hàn Quốc sử dụng khá nhiều loài gỗ như gỗ cao su, keo trầm, điều, xoan, xà cừ (gỗ rừng trồng), hoặc bạch dương, trăn, thông, sồi, dẻ gai, tần bì (gỗ nhập khẩu).

- **Bột gỗ (HS 4405):**

Giá trị kim ngạch xuất khẩu mặt hàng bột gỗ từ Việt Nam sang Hàn Quốc trong 4 năm gần đây đạt bình quân 9,1 triệu USD/năm. Giá trị xuất khẩu bột gỗ có xu hướng giảm nhanh trong giai đoạn 2013-2016, tương ứng 11,1 triệu USD năm 2013 giảm xuống còn 9,2 triệu USD năm 2014, 7 triệu USD năm 2015 và 5 triệu USD 7 tháng đầu 2016). Bột gỗ xuất sang Hàn Quốc được làm chủ yếu từ dư lượng gỗ cao su, thông, keo trầm từ rừng trồng của Việt Nam.

- **Gỗ xẻ (HS 4407):**

Việt Nam xuất khẩu các loại gỗ xẻ vào Hàn Quốc trong giai đoạn 2013-2016 đạt giá trị kim ngạch bình quân 5,4 triệu USD / năm. Mặt hàng gỗ xẻ có tốc độ suy giảm lớn nhất về giá trị kim ngạch xuất khẩu vào Hàn Quốc, từ 4,4 triệu USD năm 2013 tăng lên tới 8,4 triệu USD năm 2014, sau đó giảm mạnh còn 3,3 triệu USD năm 2015 và chỉ đạt 1,2 triệu USD 7 tháng đầu 2016. Các loại gỗ xẻ được Việt Nam xuất sang Hàn Quốc là gỗ keo, gỗ cao su, công chim, muông, chò, dầu, căm xe, pơ mu, quế, re, thông, bạch đàn...

3. Việt Nam nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Hàn Quốc

3.1. Một vài nét tổng quan

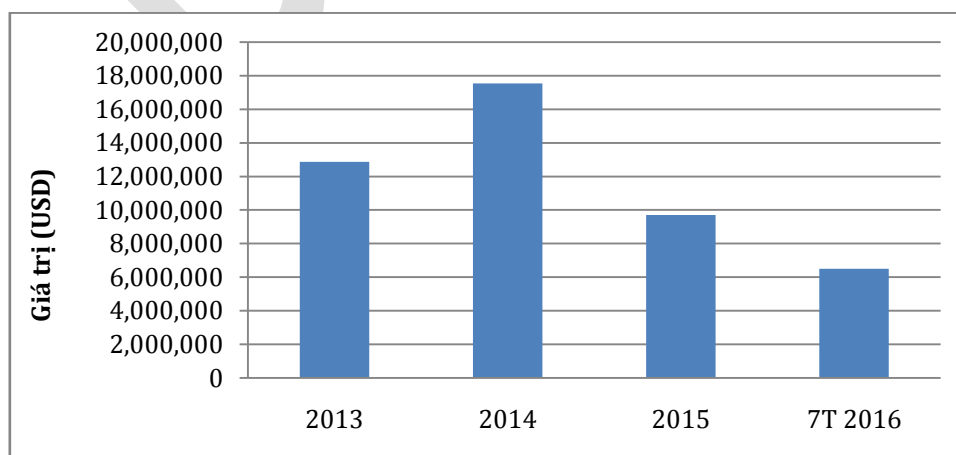
Việt Nam nhập khẩu nhiều mặt hàng thuộc nhóm sản phẩm gỗ (HS 44) và đồ gỗ (HS 94) từ Hàn Quốc. Tuy nhiên, giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Hàn Quốc về Việt Nam không đáng kể, chỉ tương ứng khoảng 2-4% tổng giá trị xuất khẩu sản phẩm gỗ và đồ gỗ của Việt Nam vào Hàn Quốc. Bảng 2 chỉ ra giá trị kim ngạch gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu từ Hàn Quốc về Việt Nam trong giai đoạn 2013 - 2016.

Bảng 2. Giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam từ Hàn Quốc, 2013-2016

Năm	Giá trị (Triệu USD)
2013	12,9
2014	17,5
2015	9,7
7 tháng 2016	6,5

Kim ngạch gỗ và sản phẩm gỗ nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam tăng từ mức 12,9 triệu USD năm 2013 lên 17,5 triệu USD năm 2014. Tuy nhiên kim ngạch sau đó giảm mạnh xuống còn 9,7 triệu USD năm 2015 và đạt 6,5 triệu USD (7 tháng / 2016). Biểu đồ 17 thể hiện thay đổi giá trị kim ngạch nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ Hàn Quốc vào Việt Nam trong bốn năm gần đây.

Biểu đồ 17. Giá trị nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ vào Việt Nam từ Hàn Quốc, 2013-2016

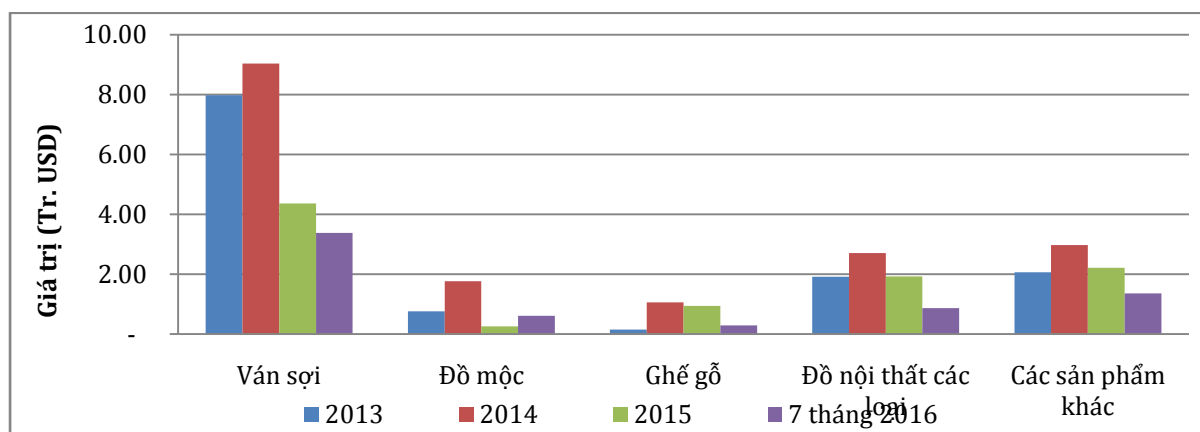


Trong giai đoạn 2013-2016 Việt Nam nhập khẩu từ Hàn Quốc chủ yếu là ván sợi, đồ nội thất các loại, đồ mộc và ghé gỗ.

3.2. Các sản phẩm nhập khẩu chính

Các sản phẩm nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam bao gồm các mặt hàng thuộc nhóm sản phẩm gỗ (HS 44) và nhóm đồ gỗ (HS 94). Trong đó, giá trị kim ngạch nhập khẩu cao nhất là ván sồi, đồ nội thất, đồ mộc và ghế gỗ trong thời gian 2013-2016. Bốn mặt hàng này chiếm tỷ trọng khoảng 77-84% trong tổng kim ngạch nhập khẩu các sản phẩm gỗ và đồ gỗ vào Việt Nam từ Hàn Quốc (Biểu đồ 18).

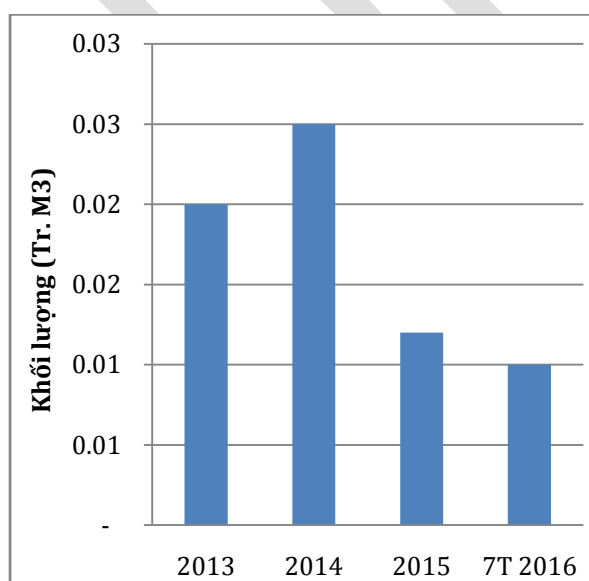
Biểu đồ 18. Nhập khẩu gỗ và sản phẩm gỗ chính của Việt Nam từ Hàn Quốc, 2013-2016



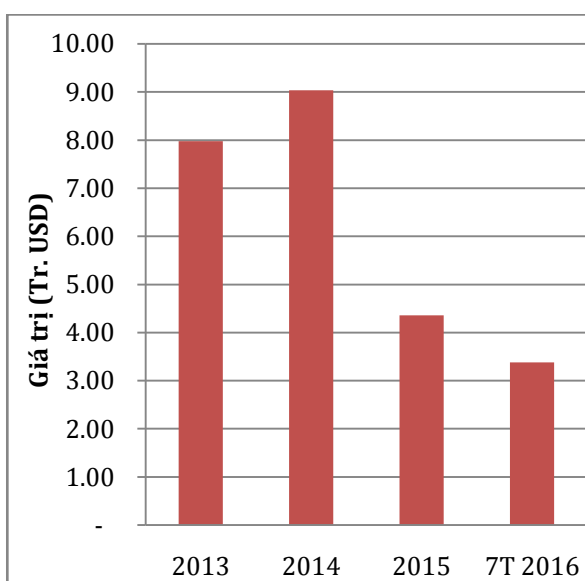
3.2.1. Ván sồi (HS 4411)

Giá trị kim ngạch nhập khẩu ván sồi đạt bình quân 7,1 triệu USD / năm trong giai đoạn 2013-2016. Giá trị kim ngạch ván sồi nhập khẩu vào Việt Nam từ thị trường Hàn Quốc tăng từ gần 8 triệu USD năm 2013 lên 9 triệu USD năm 2014, nhưng sau đó giảm còn 4,4 triệu USD năm 2015 và đạt 3,4 triệu USD 7 tháng đầu 2016. Biểu đồ 19 và 20 chỉ ra lượng và giá trị ván sồi nhập khẩu vào Việt Nam từ Hàn Quốc trong các năm 2013-2016.

Biểu đồ 19. Khối lượng ván sồi nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam, 2013-2016



Biểu đồ 20. Giá trị ván sồi nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam, 2013-2016

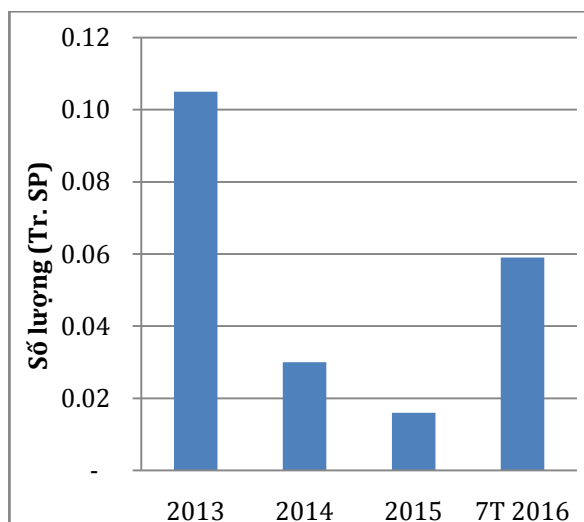


Ván sồi chủ yếu được nhập từ Hàn Quốc về các cảng biển ở phía Bắc như cảng Chùa Vẽ, cảng Hải Phòng, Green Port, riêng ở phía Nam chỉ có cảng Cát Lái nhập khẩu mặt hàng này.

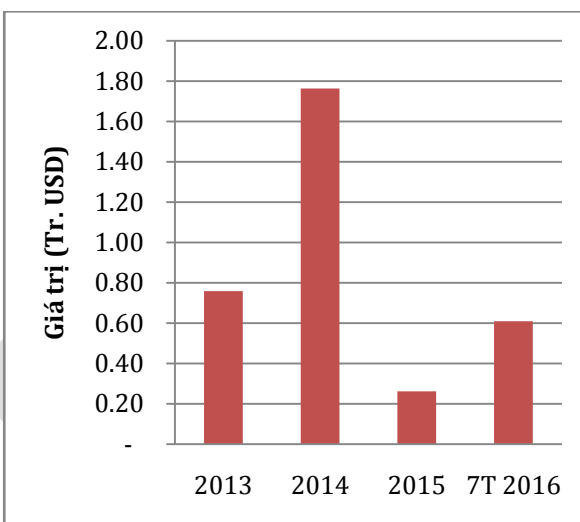
3.2.2. Đồ mộc (HS 4418)

Việt Nam nhập khẩu đồ mộc từ Hàn Quốc với giá trị kim ngạch bình quân mỗi năm 0,93 triệu USD giai đoạn 2013-2016. Biểu đồ 21 và 22 cho thấy những thay đổi về lượng và giá trị đồ mộc nhập khẩu từ nước này về Việt Nam trong những năm gần đây.

Biểu đồ 21. Khối lượng đồ mộc nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam, 2013-2016



Biểu đồ 22. Giá trị đồ mộc nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam, 2013-2016

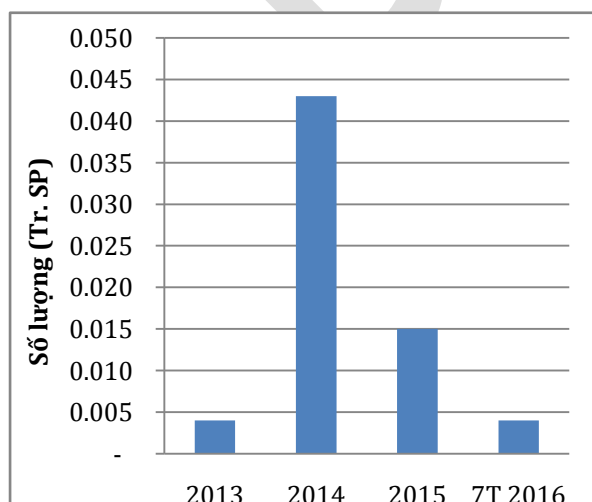


Đồ mộc mà Việt Nam nhập khẩu từ Hàn Quốc chủ yếu là cửa gỗ được sản xuất từ nhiều loại gỗ khác nhau như thông, sồi, merbau, gỗ cao su, gỗ keo, óc chó, tần bì, gụ, hồ đào,... Các cảng biển chính nhập khẩu những mặt hàng này là Cảng Cát Lái, Cảng Hải Phòng, Green Port, Tân Cảng Hải Phòng.

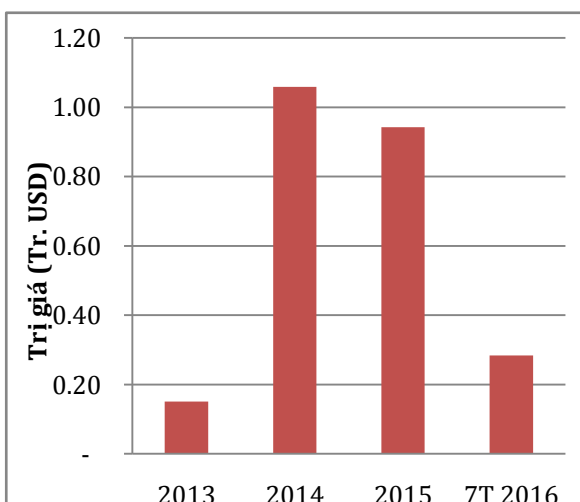
3.2.3. Ghế gỗ (HS 9401)

Giá trị kim ngạch nhập khẩu mặt hàng ghế gỗ vào Việt Nam từ Hàn Quốc trong giai đoạn 2013-2016 đạt bình quân 0,72 triệu USD / năm. Biểu đồ 23 và 24 chỉ ra những thay đổi về lượng và giá trị kim ngạch nhập khẩu ghế gỗ Hàn Quốc vào Việt Nam trong bốn năm qua.

Biểu đồ 23. Khối lượng ghế gỗ nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam, 2013-2016



Biểu đồ 24. Giá trị ghế gỗ nhập khẩu từ Hàn Quốc vào Việt Nam, 2013-2016

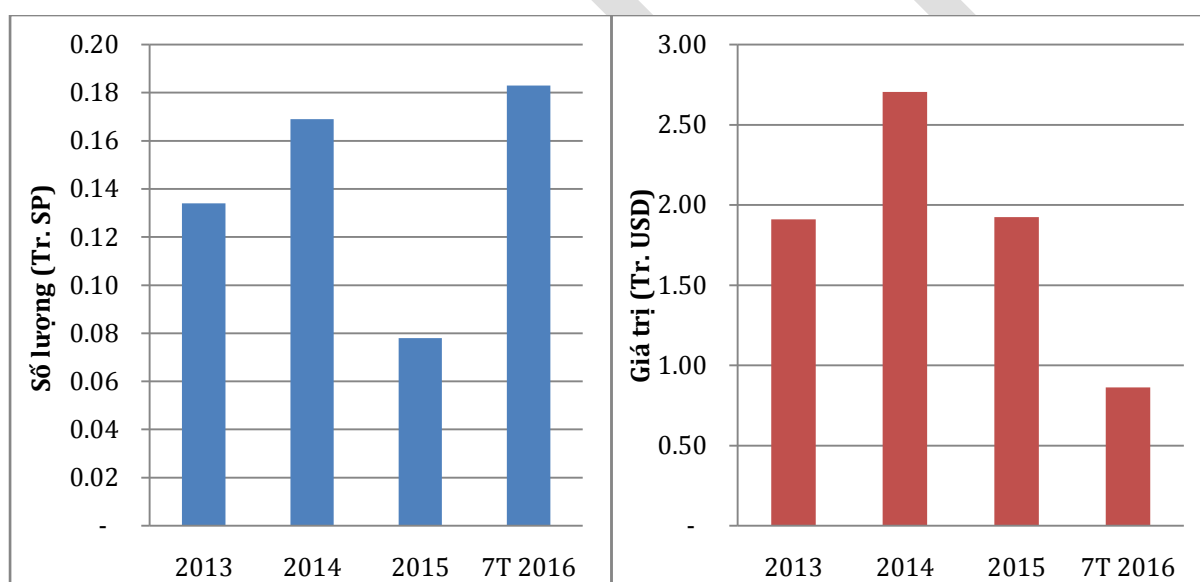


Ghế gỗ từ Hàn Quốc nhập khẩu vào Việt Nam được làm từ gỗ dương, thông, tần bì, sồi, gỗ cao su... Trong trường hợp sản phẩm bằng gỗ cao su nhập khẩu về Việt Nam từ thị trường này, phần lớn là hàng tái nhập để sửa chữa, phần còn lại là sản phẩm được sản xuất tại Hàn Quốc bằng gỗ cao su mua từ Việt Nam. Cảng Cát Lái, cảng Hải Phòng, Green Port nằm trong nhóm cảng biển nhập khẩu ghế gỗ nhiều nhất từ Hàn Quốc.

3.2.4. Đồ nội thất các loại (HS 9403)

Đồ nội thất các loại bao gồm đồ nội thất văn phòng (HS 940330), đồ nội thất nhà bếp (HS 940340), đồ nội thất phòng ngủ (HS 940350), đồ gỗ khác (HS 940360) và chi tiết đồ nội thất (HS 940390). Việt Nam nhập khẩu đồ nội thất các loại từ Hàn Quốc đạt giá trị kim ngạch bình quân 2,2 triệu USD mỗi năm. Biểu đồ 25 và 26 cho thấy xu hướng thay đổi trong nhập khẩu đồ nội thất các loại từ Hàn Quốc vào Việt Nam trong giai đoạn 2013-2016.

Biểu đồ 25. Khối lượng đồ nội thất các loại từ Hàn Quốc nhập khẩu vào Việt Nam, 2013-2016 **Biểu đồ 26. Giá trị đồ nội thất các loại từ Hàn Quốc nhập khẩu vào Việt Nam, 2013-2016**



Đồ nội thất các loại được nhập khẩu vào Việt Nam từ Hàn Quốc chủ yếu được làm từ gỗ thông, tần bì, sồi, dương, xoan, gỗ cao su... Giống như ghế gỗ, các mặt hàng đồ nội thất các loại bằng gỗ cao su nhập khẩu về Việt Nam từ Hàn Quốc phần lớn cũng là hàng tái nhập để sửa chữa. Các cảng biển nhập khẩu đồ nội thất các loại từ Hàn Quốc có giá trị kim ngạch cao nhất là cảng Cát Lái, cảng Hải Phòng, Green Port, Tiên Sa.

4. Thương mại gỗ Việt Nam – Hàn Quốc

Hàn Quốc là một trong những thị trường quan trọng nhất của Việt Nam trong việc tiêu thụ các sản phẩm gỗ và đồ gỗ. Hàng năm, kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này từ Việt Nam sang Hàn Quốc đạt gần 500 triệu USD và mức độ tăng trưởng kim ngạch mỗi năm bình quân gần 30%. Điều này cho thấy thị trường Hàn Quốc ngày càng quan trọng đối với các mặt hàng gỗ của Việt Nam.

Trong các mặt hàng gỗ xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Hàn Quốc, dăm gỗ, ghé gỗ, gỗ dán là nhóm các sản phẩm đem lại giá trị xuất khẩu cao nhất, trong đó kim ngạch từ dăm gỗ chiếm tỉ trọng 30-40% trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tất cả các mặt hàng gỗ của Việt Nam xuất khẩu vào Hàn Quốc. Tuy nhiên kim ngạch xuất khẩu của mặt hàng này đang có xu hướng giảm trong thời gian gần đây. Lí do suy giảm có thể là do nguồn cung dăm thay thế từ các quốc gia cạnh tranh với Việt Nam. Cùng với xu hướng giảm về kim ngạch nhập khẩu từ thị trường Hàn Quốc là các sản phẩm viên nén (thuộc nhóm sản phẩm dăm), bột gỗ và mặt hàng gỗ xẻ.

Mặc dù giá trị kim ngạch xuất khẩu nhỏ hơn so với mặt hàng dăm gỗ, mặt hàng ghé gỗ, gỗ dán, đồ gỗ ngoài trời, nội thất nhà bếp là các nhóm mặt hàng có tốc độ tăng trưởng cao và ổn định trong những năm vừa qua. Tăng trưởng về kim ngạch từ nhóm mặt hàng này cho thấy xu hướng ngược so với sản phẩm dăm gỗ. Trong tương lai, xuất khẩu các sản phẩm này vào Hàn Quốc sẽ tiếp tục tăng trưởng.

Sản phẩm dăm gỗ của Việt Nam chủ yếu có nguồn gốc từ gỗ keo có nguồn gốc từ rừng trồng của các hộ, với độ rủi ro thấp. Nói cách khác, dăm gỗ là sản phẩm xuất khẩu có độ an toàn cao về mặt pháp lý.

Các mặt hàng gỗ dán, đồ gỗ ngoài trời, nội thất nhà bếp là các nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu đạt tương đối cao, ở mức 50-80 triệu USD/năm. Các sản phẩm này được làm từ nhiều loài gỗ đa dạng, có nguồn gốc từ gỗ rừng trồng trong nước, gỗ rừng trồng nhập khẩu và gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu. Ghé gỗ sử dụng chủ yếu là các loài gỗ rừng trồng trong nước như cao su, keo trầm, gỗ từ rừng nhập khẩu như sồi, dương, bạch đàn. Một lượng nhỏ có sử dụng gỗ rừng tự nhiên nhập khẩu. Gỗ dán chủ yếu được sử dụng gỗ rừng trồng như keo, bò đề và rừng trồng nhập khẩu. Nhóm sản phẩm nội thất nhà bếp có sử dụng gỗ nguyên liệu có nguồn gốc tương tự. Các mặt hàng thuộc nhóm đồ gỗ khác/đồ gỗ ngoài trời, đồ gỗ nhập khẩu bao gồm một phần là gỗ có nguồn gốc từ rừng tự nhiên.

Gỗ xẻ là nhóm mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu sang Hàn Quốc nhỏ so với kim ngạch của các nhóm mặt hàng khác. Trong những năm gần đây, kim ngạch của mặt hàng này giảm sâu. Trong 7 tháng đầu 2016 chỉ đạt trên 1 triệu USD. Tuy nhiên, đây là nhóm mặt hàng hiện vẫn còn sử dụng tương đối nhiều sản phẩm gỗ có nguồn gốc từ rừng tự nhiên, bao gồm cả gỗ nhập khẩu từ các nước tiểu vùng sông Mê Kông. Môi trường chính sách có liên quan đến quản trị rừng nói chung và tính hợp pháp của nguồn gỗ nguyên liệu nói riêng đang có nhiều thay đổi, cả ở phía đầu Việt Nam là nguồn cung của các sản phẩm gỗ và ở các nước tiêu thụ các mặt hàng gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam. Tiến trình đàm phán FLEGT VPA đang chuẩn bị kết thúc tại Việt Nam. Khi Hiệp định đối tác tự nguyện (VPA) thực hiện trong tương lai, tất cả các sản phẩm gỗ xuất khẩu cần tuân thủ chặt chẽ các quy định, nhằm đảm bảo sản phẩm là hợp pháp. Các sản phẩm gỗ xuất khẩu sử dụng nguồn gỗ có nguồn gốc không rõ ràng, đặc biệt là các loài gỗ nhập khẩu từ rừng tự nhiên ở các quốc gia được coi là có độ rủi ro cao về mặt pháp lý sẽ khó có khả năng đáp ứng được với các yêu cầu đưa ra trong khuôn khổ của FLEGT.

Mặc dù chưa có những những quy định cụ thể như Đạo Luật Lacey của Hoa Kỳ, FLEGT VPA hay Quy định về Gỗ của EU, hay luật chống khai thác gỗ của Chính phủ Úc đối với các

sản phẩm gỗ tiêu thụ tại thị trường Hàn Quốc, Chính phủ Hàn Quốc đã có những động thái chuẩn bị rất tích cực trong thời gian gần đây. Các phái đoàn thuộc các cơ quan quản lý của Hàn Quốc đã tiếp xúc làm việc với Bộ Tư pháp và Bộ Lâm nghiệp của Hoa Kỳ để tìm hiểu về cơ chế vận hành của Đạo Luật Lacey. Các phái đoàn này cũng đã có những tiếp xúc với các cơ quan thực thi EUTR của EU. Cũng đã có những trao đổi giữa các cơ quan này và các cơ quan tương đồng của Chính phủ Nhật Bản. Có thể trong tương lai không xa, Chính phủ Hàn Quốc sẽ đưa ra những cơ chế chặt chẽ tương tự như những cơ chế đang được thực hiện tại Hoa Kỳ, EU và các nước khác trong việc quy định tính hợp pháp của gỗ tiêu thụ tại thị trường này. Nếu điều này được thực hiện, các doanh nghiệp của Việt Nam khi tham gia thị trường Hàn Quốc cần phải tuân thủ những quy định mới này.

5. Kết luận

Báo cáo *Thương mại gỗ và sản phẩm gỗ Việt Nam – Hàn Quốc: Thực trạng và xu hướng* chỉ ra thực trạng thương mại các mặt hàng đồ gỗ (HS 94) và sản phẩm gỗ (HS 44) giữa Việt Nam và Hàn Quốc trong giai đoạn 2012-2014.

Hàn Quốc là một trong những thị trường quan trọng nhất của Việt Nam cho việc tiêu thụ các mặt hàng đồ gỗ và sản phẩm gỗ. Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - Hàn Quốc sẽ tiếp tục tạo thêm nhiều lợi ích kinh tế thông qua việc gia tăng xuất khẩu và hợp tác đầu tư. Điều này sẽ tạo cơ hội cho việc mở rộng thị trường. Các doanh nghiệp gỗ cần phát huy việc duy trì và mở rộng thị trường tại quốc gia này, và một trong những bước đi quan trọng là chủ động tham gia thị trường và hội nhập. Chủ động tham gia bao gồm cả việc loại bỏ hoàn toàn các rủi ro trong các sản phẩm xuất khẩu, bao gồm cả các rủi ro có liên quan đến nguồn gỗ nguyên liệu đầu vào. Làm tốt được điều này không những tạo cơ hội phát triển thị trường tại Hàn Quốc, mà còn trực tiếp xây dựng thương hiệu và hình ảnh tích cực, thân thiện với môi trường cho ngành chế biến gỗ xuất khẩu của Việt Nam, góp phần phát triển bền vững ngành chế biến gỗ của Việt Nam trong tương lai.

Tài liệu tham khảo

Tô Xuân Phúc, Nguyễn Tôn Quyền, Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm và Huỳnh Văn Hạnh. Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu 2013-2015. Báo cáo của VIFORES, HAWA, FPA Bình Định và Forest Trends, 2016 a.

Tô Xuân Phúc, Đặng Việt Quang, Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm. Việt Nam xuất khẩu dăm gỗ: Chính sách, thị trường và sinh kế người dân. Báo cáo của VIFORES, HAWA, FPA Bình Định và Forest Trends, 2016b.

Tô Xuân Phúc, Nguyễn Tôn Quyền, Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm và Huỳnh Văn Hạnh. Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Lào. Báo cáo của VIFORES, HAWA, FPA Bình Định và Forest Trends, 2016 c.

Tô Xuân Phúc, Nguyễn Tôn Quyền, Trần Lê Huy, Cao Thị Cẩm và Huỳnh Văn Hạnh. Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ Campuchia. Báo cáo của VIFORES, HAWA, FPA Bình Định và Forest Trends, 2016 d

Phụ lục

Phụ lục 1: Giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016, Tr. USD

Cảng xuất khẩu chính	2013	2014	2015	7 tháng 2016
Cảng Cát Lái	164.1	215.9	267.8	147.2
Cảng Hải Phòng	60.2	21.2	0.4	0.2
Cảng Q.Tế Germadept Dung Quất	24.7	28.3	33.1	28.2
ICD III -Transimex	18.2	20.3	18.6	19.4
Cảng Dung Quất - Bến số 1	17.4	2.7	2.6	2.4
Các cảng khác	36.0	192.7	173.2	130.0
Tổng cộng	320.7	481.2	495.6	327.4

Phụ lục 2: Các cảng xuất khẩu dăm gỗ và viên nén gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

Cảng xuất khẩu	2013		2014		2015		7 tháng 2016	
	Khối lượng (Tr. Tấn)	Giá trị (Tr. USD)	Khối lượng (Tr. Tấn)	Giá trị (Tr. USD)	Khối lượng (Tr. Tấn)	Giá trị (Tr. USD)	Khối lượng (Tr. Tấn)	Giá trị (Tr. USD)
Cảng Cát Lái	0.25	31.19	0.51	75.48	0.82	85.75	0.53	51.39
Cảng Q.Tế Germadept Dung Quất	0.15	24.74	0.17	28.32	0.20	33.14	0.18	28.17
Cảng Dung Quất - Bến số 1	0.12	17.43	0.02	2.75	0.02	2.56	0.02	2.41
ICD III -Transimex	0.07	8.72	0.06	8.41	0.01	0.75	0.01	0.79
Các cảng khác	0.21	28.13	0.66	94.21	0.65	76.71	0.37	38.38
Tổng cộng	0.81	110.20	1.43	209.17	1.69	198.92	1.11	121.14

Phụ lục 3: Các loài gỗ trong sản phẩm ghé gỗ xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

Loài gỗ	2013		2014		2015		7T 2016	
	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)
Tràm	0.08	1.82	0.07	1.73	0.15	2.48	0.14	1.60
Cao su / điều	1.89	29.76	1.57	26.91	2.78	49.18	1.57	28.07
Sồi	0.15	5.05	0.13	4.83	0.07	2.89	0.03	1.43
Dẻ gai	0.01	0.16	0.04	0.42	0.02	0.46	0.03	0.34
Tần bì	0.15	4.19	0.22	7.43	0.23	7.06	0.13	4.07
Xoan đào	0.01	0.29	0.01	0.40	0.01	0.33	0.01	0.26

Thông	0.10	1.47	0.06	1.05	0.04	0.86	0.05	0.70
Điều	0.01	0.14	0.01	0.06	0.01	0.08	0.001	0.02
Chò chỉ	0.001	0.03	0.01	0.41	0.01	0.48	0.01	0.28
Sọ khi	0.03	0.89	0.02	0.74	0.01	0.56	-	-
Teak	0.0002	0.01	0.001	0.02	0.001	0.00	-	-
Bạch đàn	0.002	0.06	-	0.003	0.002	0.07	0.0003	0.01
Dương	0.06	0.87	0.04	0.57	0.001	0.05	0.001	0.02
Xà cừ	0.004	0.12	0.0002	0.02	0.001	0.06	-	0.01
Anh đào	0.001	0.02	0.0002	0.01	-	-	-	-
Dầu	0.004	0.18	0.01	0.26	0.0001	0.01	-	-
Óc chó	0.001	0.02	0.10	1.58	0.001	0.06	0.001	0.05
Gỗ khác	0.43	7.33	1.46	21.98	0.75	10.30	0.42	5.45
Tổng cộng	2.93	52.42	3.75	68.43	4.09	74.94	2.39	42.33

Phụ lục 4: Các cảng xuất khẩu gỗ của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

Cảng xuất khẩu	2013		2014		2015		7 tháng 2016	
	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)
Cảng Cát Lái	2.6	46.2	2.8	50.5	3.6	65.4	1.7	30.5
ICD III -Transimex	0.2	4.5	0.2	4.1	0.3	5.7	0.4	6.7
Cảng Hải Phòng	0.1	1.0	0.03	0.3	-	-	-	-
ICD Sotrans-Phước Long 2	0.02	0.4	0.01	0.2	-	-	-	-
Các cảng khác	0.03	0.5	0.7	13.3	0.2	3.8	0.3	5.2
Tổng cộng	2.9	52.4	3.8	68.4	4.1	74.9	2.4	42.3

Phụ lục 5: Các loài gỗ trong sản phẩm gỗ dán xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

Loài gỗ	2013		2014		2015		7T 2016	
	Khối lượng (Tr. M3)	Giá trị (Tr. USD)	Khối lượng (Tr. M3)	Giá trị (Tr. USD)	Khối lượng (Tr. M3)	Giá trị (Tr. USD)	Khối lượng (Tr. M3)	Giá trị (Tr. USD)
Thông	0.0002	0.07	0.0002	0.04	-	0.01	0.005	1.92
Cao su	0.005	3.77	0.002	1.69	0.002	1.66	0.01	2.80
Dương / birch	-	0.04	-	0.01	-	-	-	-
Thích	-	0.02	-	-	-	-	-	-
Linh sam	0.0001	0.10	-	-	-	-	-	-
Keo / bạch đàn / Bò đê	0.19	44.83	0.23	59.49	0.27	71.45	0.26	71.48
Tổng cộng	0.20	48.83	0.24	61.23	0.28	73.12	0.27	76.19

Phụ lục 6: Các cảng chính xuất khẩu gỗ dán của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

Cảng xuất khẩu	2013		2014		2015		7 tháng 2016	
	Khối lượng (Tr. M3)	Giá trị (Tr. USD)	Khối lượng (Tr. M3)	Giá trị (Tr. USD)	Khối lượng (Tr. M3)	Giá trị (Tr. USD)	Khối lượng (Tr. M3)	Giá trị (Tr. USD)
Cảng Hải Phòng	0.19	44.60	0.07	16.94	0.001	0.32	0.001	0.20
Cảng Cát Lái	0.001	0.92	0.002	1.41	0.01	2.98	0.01	4.24
Cảng Chùa Vẽ	-	0.03	0.01	1.63	0.09	22.31	0.02	4.59
Cảng Đình Vũ	-	-	0.03	6.38	0.06	14.59	0.05	11.76
Tân Cảng Hải Phòng	0.004	3.18	0.04	9.26	0.07	16.53	0.12	32.27
Cảng Green Port	-	-	0.03	8.03	0.05	13.96	0.08	22.09
Các cảng khác	-	0.10	0.07	17.59	0.01	2.44	0.004	1.05
Tổng cộng	0.20	48.83	0.24	61.23	0.28	73.13	0.27	76.19

Phụ lục 7: Các loài gỗ trong sản phẩm đồ gỗ khác xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

Loài gỗ	2013		2014		2015		7T 2016	
	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)
Tràm	0.02	1.12	0.02	1.05	0.04	2.79	0.15	2.98
Bạch dương	0.001	0.07	0.003	0.32	0.01	0.65	0.01	0.52
Trăn	0.001	0.07	0.001	0.13	0.0002	0.06	0.0002	0.04
Xoan	0.0004	0.02	0.001	0.02	0.001	0.08	0.002	0.14
Xà cừ	0.0001	0.03	0.001	0.14	0.0003	0.08	-	0.01
Thông	0.13	2.82	0.19	5.55	0.16	4.96	0.07	1.48
Sồi	0.02	2.53	0.02	2.34	0.02	2.54	0.01	0.81
Dẻ gai	0.0001	0.01	0.0004	0.11	0.02	0.28	0.01	0.17
Tần bì	0.004	0.39	0.01	1.17	0.01	1.03	0.01	1.01
Teak	0.0001	0.03	0.0002	0.06	-	-	-	-
Chò chỉ	-	-	0.001	0.06	0.0003	0.0098	0.0003	0.02
Dầu	0.001	0.07	0.002	0.16	-	-	-	-
Óc chó	0.0004	0.07	0.0002	0.03	0.0001	0.02	0.0003	0.07
Cao su / điều	0.14	3.31	0.14	4.16	0.44	11.25	0.12	4.12
Khác	0.06	3.32	0.05	3.29	0.10	5.39	0.09	6.18
Tổng cộng	0.36	13.86	0.44	18.59	0.78	29.13	0.47	17.52

Phụ lục 8: Các cảng chính xuất khẩu đồ gỗ khác của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

Cảng xuất khẩu	2013		2014		2015		7 tháng 2016	
	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)
Cảng Cát Lái	0.29	12.34	0.29	13.91	0.552	23.30	0.268	11.96
Cảng Hải Phòng	0.062	0.42	0.032	0.24	-	-	-	-
ICD III - Transimex	0.00	0.31	0.01	0.82	0.06	2.58	0.08	2.64
Cảng Tiên sa	0.01	0.27	0.01	0.42	0.02	0.86	0.01	0.31
Các cảng khác	0.01	0.52	0.10	3.20	0.15	2.38	0.113	2.62
Tổng cộng	0.36	13.86	0.44	18.59	0.78	29.13	0.47	17.52

Phụ lục 9: Các loài gỗ trong sản phẩm đồ nội thất nhà bếp xuất khẩu của Việt Nam sang Hàn Quốc, 2013-2016

Loài gỗ	2013		2014		2015		7T 2016	
	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)	Số lượng (Tr. SP)	Giá trị (Tr. USD)
Cao su / điều	0.42	12.30	0.47	15.45	0.52	18.78	0.28	10.20
Tràm	0.011	0.70	0.014	0.84	0.04	1.02	0.01	0.65
Bạch dương	0.016	0.61	0.010	0.37	0.0001	0.03	0.0002	0.03
Trăn	0.0001	0.01	0.0002	0.02	0.0001	0.01	-	-
Xoan	0.0009	0.04	0.001	0.07	0.003	0.24	0.0019	0.16
Xà cừ	0.0003	0.02	-	-	-	-	-	-
Thông	0.04	3.99	0.03	2.85	0.01	0.42	0.002	0.21
Sồi	0.0067	0.53	0.011	0.77	0.01	1.01	0.003	0.86
Dẻ gai	0.0001	0.02	0.001	0.26	0.002	0.27	0.001	0.09
Sọ khi	0.0004	0.03	-	-	-	-	-	-
Tần bì	0.01	0.51	0.010	0.55	0.014	0.964	0.004	0.34
Gỗ khác	0.03	1.55	0.07	1.84	0.10	3.01	0.05	1.87
Tổng cộng	0.53	20.30	0.63	23.03	0.69	25.75	0.35	14.39